

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2024/HN-ST

Ngày: 16-8-2024

*“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương
2. Ông Nguyễn Minh Chánh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu
Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 276/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2024, về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 362/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; Địa chỉ liên hệ: B13/17 ấp 2B, đường Cây Cám, xã Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn G, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị H có mặt, anh G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 14/6/2024 và trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Lê Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Trịnh Văn G. Lý do: Chị và anh Trịnh Văn G do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Mỏ Cày Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/2002. Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Vợ chồng không có tiếng nói chung nên không thể hoà hợp. Đã không còn sống chung khoảng 15 năm nay. Nay tình cảm đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Thị Thu T, sinh ngày 24/6/1999, đã trưởng thành và có gia đình riêng, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn anh Trịnh Văn G vắng mặt theo giấy triệu tập không lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Lê Thị H, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”; Trong đó xác định chị Lê Thị H là nguyên đơn, anh Trịnh Văn G là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của anh Trịnh Văn G tại phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ 2, vắng mặt không có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh G là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H, thấy rằng:

Chị H yêu cầu xin ly hôn với anh Giang. Anh G không đến Toà, không lời trình bày.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh G là có thật. Nguyên nhân bắt nguồn từ mâu thuẫn vợ chồng, từ việc bất đồng quan điểm, đã không còn sống chung một thời gian dài nhưng không tìm được hướng hàn gắn, đoàn tụ. Nay chị H kiên quyết ly hôn, anh G được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Toà, điều đó cho thấy anh G cũng không có thiện chí hàn gắn với chị H. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Thị Thu T, sinh ngày 24/6/1999, đã trưởng thành, không yêu cầu, không giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị H trình bày không có, anh Trịnh Văn G vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Lê Thị H trình bày không có, anh Trịnh Văn G vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị H chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Trịnh Văn G.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Thị Thu T, sinh ngày 24/6/1999, đã trưởng thành, không yêu cầu, không giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị H trình bày không có, anh Trịnh Văn G vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Lê Thị H trình bày không có, anh Trịnh Văn G vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch (Đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Lê Thị H phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002101 ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng